TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thiêm – Thẩm phán
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Đỗ Minh Tân
2. Bà Mai Thị Luyến

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa*:** Ông Trần Cao Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST- HNGĐ ngày 09/3/2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/6/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 47/2018/QĐST-HNGĐ ngày 27/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Nguyễn Thị Hữu P, sinh năm 1980
Địa chỉ: ấp Quý T, xã Nhị Q, thị xã CL, tỉnh Tiền Giang.
Bị đơn: Trần Đông T, sinh năm 1985
Địa chỉ: Tổ 12, ấp Phú N, xã Tân Nhuận Đ, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

Tại phiên tòa anh Trần Đông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và các lời khai tại Toà án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Hữu P trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Trần Đông T chung sống với nhau năm 2010, có tổ chức cưới và có đăng ký kết hôn ngày 30/3/2010 tại UBND xã Nhị Quý, thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T thường bỏ nhà đi không quan tâm gì đến vợ con, khi về thì kiếm chuyện cãi vã làm mất đi hạnh P gia đình, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015.

Hiện nay chị P không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn với anh Trần Đông T.

- Về con chung: có 01 con chung tên là Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 24/8/2010 đang sinh sống với chị P. Khi ly hôn chị P yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: không có

- Về nợ chung: không có.

Bị đơn anh Trần Đông T không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn, yêu cầu nuôi con của chị P và vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩn phán đã tuân thủ theo đúng qui định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, nguyên đơn chấp hành đúng qui định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành qui định tại Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Điều 56 luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Hữu P.

- Về con chung: Áp dụng Điều 81 luật Hôn nhân gia đình, giao cháu Trần Nguyễn Khánh N sinh ngày 24/8/2010 cho chị P nuôi dưỡng, anh T không cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị Hữu P với anh Trần Đông T là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình qui định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành thụ lý giải quyết.

[2] Tại phiên tòa bị đơn Trần Đông T vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thủ tục phiên tòa cho bị đơn theo đúng quy định của pháp luật đến lần thứ hai Nng bị đơn vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[1] *Về hôn nhân:* Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hữu P và anh Trần Đông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn chị P và anh T chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm, anh T thường bỏ nhà đi không quan tâm đến vợ con, khi trở về thì kiếm chuyện cãi vã làm mất đi hạnh P gia đình. Chị P đã khuyên nhiều lần Nng anh T vẫn không sửa đổi được nên chị P và anh T đã sống ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Hiện nay chị P không còn tình cảm với anh T nên yêu cầu được ly hôn.

Xét thấy, từ ngày chị P và anh T sống ly thân với nhau cho đến nay, anh chị cũng không có giải pháp nào để vợ chồng đoàn tụ lại. Tại phiên tòa chị P xác định không còn tình cảm với anh T nên cương quyết ly hôn. N vậy, chứng tỏ mâu thuẩn giữa chị P với anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; nếu để anh chị chung sống trở lại cũng không tạo được một gia đình hạnh P, bền vững. Căn cứ khoản 1 Điều 56 luật Hôn nhân gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hữu P được ly hôn với anh Trần Đông T.

[2] *Về nuôi con chung*: Xét yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hữu P yêu cầu được nuôi con chung là cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 24/8/2010 không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, sau khi chị P và anh T sống ly thân thì cháu Khánh N vẫn sống cùng chị P, cuộc sống của cháu đã ổn định, mặc dù thu nhập thực tế của chị P không cao Nng chị cũng có đủ điều kiện để nuôi con và nguyện vọng của cháu N cũng mong muốn được ở với mẹ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị P. Giao cháu Trần Nguyễn Khánh N cho chị P tiếp tục nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung:* không có nên không xem xét.

[4] *Về án phí:* Áp dụng Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự .

- Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. *Về hôn nhân:* Chị Nguyễn Thị Hữu P được ly hôn với anh Trần Đông T.

2. *Về nuôi con chung:* Giao cháu Trần Nguyễn Khánh N, sinh ngày 24/8/2010 cho chị P nuôi dưỡng sau khi ly hôn (chị P đang nuôi con). Chị P không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Chị Nguyễn Thị Hữu P và các thành viên trong gia đình của chị P không được cản trở anh T đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung.

3. *Về tài sản chung và nợ chung:* không có

4. *Về án phí*: chị Nguyễn Thị Hữu P phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị P đã nộp ngày 07/3/2018 theo biên lai số 02896 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành sẽ được chuyển thành án phí chị P phải nộp.

5. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết bản án.

***Nơi nhận*:**
- Tòa án ND tỉnh Đồng Tháp;
- Viện kiểm sát ND huyện C;
- Các đương sự;
- Chi cục Thi hành án DS H. C
- Lưu hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Lê Thị Thiêm